

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2021/DS-ST
Ngày: 21- 10 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Hồng Đức.

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST - DS, ngày 08 tháng 02 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Đường V, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T – Phòng giao dịch huyện Đ, là người đại diện theo ủy quyền “Văn bản ủy quyền số 97a.BIDV.ST-QLRR ngày 30/5/2021” (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật L, sinh năm 1975 và bà Trang Thị P, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/10/2012 của nguyên đơn Ngân hàng T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông Nguyễn Nhật L, bà Trang

Thị P đã ký kết với Ngân hàng T Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số: 387/2018/806771/HĐTD ngày 29/6/2018, số tiền vay là 310.000.000 đồng, mục đích vay sửa nhà, lãi suất vay 11,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay. Thời hạn vay 120 tháng, ngày đến hạn cuối cùng của khoản vay là 29/6/2028.

Để đảm bảo khoản nợ vay ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 076/2016/806771/HĐBĐ ngày 16/8/2016 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 528529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/02/2016 cho ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P, đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P đã vi phạm hợp đồng không thanh toán lãi và gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, nợ vay đang quá hạn phân kỳ trả nợ gốc từ ngày 29/6/2020, ông L chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 31.000.000 đồng, lãi là 54.265.927 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P hoàn trả cho Ngân hàng dư nợ gốc là 279.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 21/10/2021 là 60.823.452 đồng (trong đó lãi trong hạn là 58.254.391 đồng và lãi quá hạn là 2.596.016 đồng), tổng cộng là 339.850.407 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông L, bà P trả xong số nợ gốc. Trường hợp ông L, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp như đã nêu trên.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông L, bà P 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho ông L, bà P được vì ông L, bà P đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông L, bà P theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông L, bà P đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc T trình bày: Bà Võ Thị Ngọc T đang quản lý, sử dụng căn nhà trên phần đất thế chấp thửa số 104; tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng do nhận thuê của ông Nguyễn Nhật L, thời gian thuê là 02 năm từ ngày 12/8/2020 đến ngày 12/8/2022 với giá là 17.000.000 đồng và đã trả đủ tiền thuê.

Nay bà Võ Thị Ngọc T không có tranh chấp gì trong vụ án, không có yêu cầu độc lập, khi nào có tranh chấp thì sẽ kiện vụ kiện khác đối với ông Nguyễn Nhật L.

Tuy nhiên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà T ở hết thời gian thuê nhà theo hợp đồng với ông L.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 279.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 21/10/2021 là 60.823.452 đồng, tổng cộng là 339.850.407 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đến khi ông L, bà P, hoàn trả xong nợ gốc; trường hợp ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết theo quy định pháp luật; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tiếp tục cho bà Võ Thị Ngọc T quản lý, sử dụng tài sản thế chấp đến ngày 12/8/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho ông L, bà P được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông L, bà P. Bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Nhật L và bà Trang Thị P.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P hoàn trả số tiền gốc là 279.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 21/10/2021 là 60.823.452 đồng, tổng cộng là 339.850.407 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông L, bà P trả xong số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Để chứng minh cho việc ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số: 387/2018/8067711/HĐTD ngày 29/6/2018 (bút lục từ 16-20); Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/6/2018 (bút lục từ 13-15), các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của ông L, bà

P ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L, bà P biết nhưng không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông L, bà P đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 310.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông L, bà P không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 31.000.000 đồng và tiền lãi là 54.926.015 đồng. Do vậy, việc ông L, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông L, bà P là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông L, bà P hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 279.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi thì tại mục 5 của Hợp đồng tín dụng số: 387/2018/8067711/HĐTD ngày 29/6/2018 Ngân hàng và ông L, bà P đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay nên ông L, bà P phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông L, bà P phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày 30/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/10/2021 là 60.823.452 đồng (trong đó lãi trong hạn là 58.254.391 đồng và lãi quá hạn là 2.596.016 đồng).

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T dư nợ tính đến ngày 21/10/2021 số tiền vay gốc là 279.000.000 đồng, tiền lãi là 60.823.452 đồng, tổng cộng là 339.850.407 đồng và ông L, bà P còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/10/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp bất động sản số 076/2016/806771/HĐBĐ ngày 16/8/2016 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 528529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/02/2016 cho ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P, đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng thì hợp thể chấp nêu trên có chữ ký của ông

L, bà P bên mục người thế chấp, sau khi ký kết hợp đồng thì các bên có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật là; phần đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 hiện nay do bà Võ Thị Ngọc T quản lý, sử dụng do nhận thuê của ông L từ ngày 12/8/2020 và tại phiên tòa hôm nay bà T xác định không có tranh chấp gì trong vụ án, thống nhất giao lại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng khi Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác đối với ông Nguyễn Nhật L. Tuy nhiên, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà T sử dụng hết thời gian thuê nhà theo hợp đồng là ngày 12/8/2022 và phía Ngân hàng cũng thống nhất.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P đã tự nguyện dùng tài của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông L, bà P đối với thửa đất nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông L, bà P; mặt khác, về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cho bà Võ Thị Ngọc T sử dụng tài sản thế chấp đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên đến hết thời gian thuê nhà theo hợp đồng là ngày 12/8/2022.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P phải chịu 700.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng đã nộp xong nên ông L, bà P có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P phải chịu 16.992.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[2] Buộc bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T dư nợ tính đến ngày ngày 21/10/2021 với số tiền vay gốc 279.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng), tiền lãi là 60.823.452 đồng (sáu mươi triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng), tổng cộng là 339.850.407 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng) và ông L, bà P còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/10/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng T thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 076/2016/806771/HĐBĐ ngày 16/8/2016 đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 528529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/02/2016 cho ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P, đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền với đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc tiếp tục cho bà Võ Thị Ngọc T quản lý, sử dụng tài sản thế chấp là căn nhà trên thửa đất số 104, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng đến ngày 12/8/2022 và bà Võ Thị Ngọc T có nghĩa vụ giao lại tài sản là căn nhà cấp trên thửa đất nêu trên cho nguyên đơn khi hết thời gian hợp đồng thuê (ngày 12/8/2022).

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P phải chịu 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng T đã nộp xong nên ông L, bà P có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Nhật L, bà Trang Thị P phải chịu 16.992.520 đồng (mười sáu triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 7.594.797 đồng (bảy triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008167 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung